

Phụ lục III
DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 CỦA HUYỆN M'DRẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Thị trấn M'Drắk	Xã Cư Prao	Xã Ea Pil	Xã Ea Lai	Xã Ea H'Mlay	Xã Krông Jing	Xã Ea M'Doal	Xã Ea Riêng	Xã Cư M'ta	Xã Cư Króa	Xã Krông Á	Xã Cư San	Xã Ea Trang
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	2.125,26	88,03	157,69	84,71	77,57	41,08	328,77	101,91	64,34	97,75	327,04	349,65	165,93	240,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA	130,14	27,62	5,06	2,22	6,72	0,64	18,16	0,08	1,14	15,37	0,89	33,74	9,65	8,87
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	114,50	23,86	3,54	1,32	6,72	0,64	15,03	0,08	1,14	11,90	0,89	33,74	9,65	6,00
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	15,64	3,75	1,52	0,90			3,13			3,47				2,87
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	712,73	24,80	124,01	38,99	5,16	2,65	163,08	25,47	10,14	44,25	19,10	185,48	39,65	29,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	384,69	29,49	25,40	42,51	65,10	37,58	27,42	52,84	49,14	11,65	36,04	5,31	2,05	0,16
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,01													0,01
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	718,27	3,83	3,07	0,16	0,53		71,96	23,41	3,45	25,99	269,96	109,05	80,12	126,75
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	157,53						47,55					0,62	34,36	75,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21,21	1,61	0,15	0,83	0,06	0,21	0,61	0,11	0,47	0,48	1,06	15,45	0,10	0,06
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,69	0,69												
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	82,26	2,10	5,52	1,30	8,36	3,74	6,40	6,26	1,68	21,24	2,47	9,06	10,22	3,90
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	18,43		1,23	1,11	1,18	1,55	1,63	1,67	0,71	2,00	0,97	3,14	0,87	2,36
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,74	0,74												
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,59	0,38	0,14		0,08	0,02	0,04	0,18	0,03	0,02	0,06		0,42	0,22
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1,02	0,98								0,04				
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	6,24	0,43	1,37		0,61	0,69	0,33	0,27	0,24	0,77	0,09	0,50	0,41	0,53
2.5.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,40	0,01								0,37				0,02
2.5.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,31				0,04	0,01		0,06	0,11	0,00	0,07			0,02
2.5.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,17	0,08	1,18		0,08	0,06	0,26	0,06		0,40	0,02	0,34	0,20	0,49
2.5.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,25	0,23	0,20		0,50	0,61	0,07	0,15	0,13	0,00		0,16	0,20	
2.5.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,11	0,11												
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	20,75	9,07	1,15		0,14	0,27	0,02	0,46	0,69		0,94		8,00	
2.6.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,61	6,93	1,15		0,14			0,04	0,06		0,28		8,00	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Thị trấn M'Drăk	Xã Cư Prao	Xã Ea Pil	Xã Ea Lai	Xã Ea H'Mlay	Xã Krông Jing	Xã Ea M'Doal	Xã Ea Riêng	Xã Cư M'ta	Xã Cư Króa	Xã Krông Á	Xã Cư San	Xã Ea Trang
2.6.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,47	1,30				0,27	0,02	0,42	0,46					
2.6.3	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,67	0,84							0,18		0,66			
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	10,91	0,94	0,30	0,19	0,79	0,43	2,20	0,59	0,01	1,44	0,27	3,40	0,01	0,35
2.7.1	Đất công trình giao thông	DGT	8,06	0,63	0,24	0,08	0,56	0,30	1,32	0,34		1,07	0,15	3,32		0,08
2.7.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,95	0,09				0,04	0,39			0,34				0,08
2.7.3	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,43						0,43							
2.7.4	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,11	0,01				0,01		0,01			0,01			0,07
2.7.5	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,19			0,02		0,06		0,08				0,03		
2.7.6	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,16	0,21	0,06	0,08	0,23	0,01	0,06	0,17	0,01	0,03	0,11	0,06	0,01	0,12
2.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	3,37				0,02		0,88	1,25		0,88	0,09			0,25
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	29,65		1,34		5,54	0,78	1,30	1,84		16,10	0,06	2,02	0,51	0,18
2.9.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,33				3,09	0,78		0,36		16,09				0,01
2.9.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,32		1,34		2,45		1,30	1,48		0,01	0,06	2,02	0,51	0,18